

S LI U XÉT DUY T QUY T TOÁN CHI NGÂN SÁCH
Năm 2024

Đ n v : Tr ờ ng THPT Thanh Khê
Ch ờ ng:

Ph n I - T NG H P TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Đ n v tính: Đ ng

Ch tiêu	N i dung	T ng s			Lo i: T ng h p		
					T ng lo i: T ng h p		
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch	S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
	NGÂN SÁCH NHÀ N C						
	NGU N NGÂN SÁCH TRONG N C						
01	S d kinh phí năm tr c chuy n sang (01=02+05)						
02	Kinh phí th ng xuyên/t ch (02=03+04)						
03	- Kinh phí đã nh n						
04	- D toán còn d Kho b c						
05	Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (05=06+07)						
06	- Kinh phí đã nh n						

Ch tiêu	N i dung	T ng s			Lo i: T ng h p		
					T ng lo i: T ng h p		
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch	S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
07	- D toán còn d Kho b c						
08	D toán đ c giao trong năm (08=09+10)	17.186.574.091	17.186.574.091		17.186.574.091	17.186.574.091	
09	- Kinh phí th ng xuyên/t ch	15.909.848.000	15.909.848.000		15.909.848.000	15.909.848.000	
10	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch	1.276.726.091	1.276.726.091		1.276.726.091	1.276.726.091	
11	T ng s đ c s đ ng trong năm (11=12+13)	17.186.574.091	17.186.574.091		17.186.574.091	17.186.574.091	
12	- Kinh phí th ng xuyên/t ch (12=02+09)	15.909.848.000	15.909.848.000		15.909.848.000	15.909.848.000	
13	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (13=05+10)	1.276.726.091	1.276.726.091		1.276.726.091	1.276.726.091	
14	Kinh phí th c nh n trong năm (14=15+16)	17.122.144.854	17.122.144.854		17.122.144.854	17.122.144.854	
15	- Kinh phí th ng xuyên/t ch	15.876.030.218	15.876.030.218		15.876.030.218	15.876.030.218	
16	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch	1.246.114.636	1.246.114.636		1.246.114.636	1.246.114.636	
17	Kinh phí đ ngh quy t toán (17=18+19)	17.122.144.854	17.122.144.854		17.122.144.854	17.122.144.854	
18	- Kinh phí th ng xuyên/t ch	15.876.030.218	15.876.030.218		15.876.030.218	15.876.030.218	
19	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch	1.246.114.636	1.246.114.636		1.246.114.636	1.246.114.636	
20	Kinh phí gi m trong năm (20=21+25)	27.022.307	27.022.307		27.022.307	27.022.307	
21	Kinh phí th ng xuyên/t ch (21=22+23+24)						

Ch tiêu	N i dung	T ng s			Lo i: T ng h p		
					T ng lo i: T ng h p		
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch	S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
22	- Đă n p NSNN						
23	- Còn ph i n p NSNN (23=03+15-18-22-31)						
24	- D toán b hu (24=04+09-15-32)						
25	Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (25=26+27+28)	27.022.307	27.022.307		27.022.307	27.022.307	
26	- Đă n p NSNN						
27	- Còn ph i n p NSNN (27=06+16-19-26-34)						
28	- D toán b hu (28=07+10-16-35)	27.022.307	27.022.307		27.022.307	27.022.307	
29	S d kinh phí đ c phép chuy n sang năm sau s d ng và quy t toán (29=30+33)	37.406.930	37.406.930		37.406.930	37.406.930	
30	Kinh phí th ng xuyên/t ch (30=31+32)	33.817.782	33.817.782		33.817.782	33.817.782	
31	- Kinh phí đã nh n						
32	- D toán còn d Kho b c	33.817.782	33.817.782		33.817.782	33.817.782	
33	Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (33=34+35)	3.589.148	3.589.148		3.589.148	3.589.148	
34	- Kinh phí đã nh n						
35	- D toán còn d Kho b c	3.589.148	3.589.148		3.589.148	3.589.148	
	NGU N V N VI N TR						

Ch tiêu	N i dung	T ng s			Lo i: T ng h p		
					T ng lo i: T ng h p		
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch	S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
36	S d kinh phí năm tr c chuy n sang						
37	D toán đ c giao trong năm						
38	T ng kinh phí đã nh n vi n tr trong năm (38=39+40)						
39	- S đã ghi thu, ghi t m ng						
40	- S đã ghi thu, ghi chi						
41	Kinh phí đ c s d ng trong năm (41= 36+38)						
42	Kinh phí đ ngh quy t toán						
43	S d kinh phí đ c phép chuy n sang năm sau s d ng và quy t toán (43=41-42)						
	NGU N VAY N N C NGOÀI						
44	S d kinh phí năm tr c chuy n sang (44=45+46)						
45	- Kinh phí đã ghi t m ng						
46	- S d d toán						
47	D toán đ c giao trong năm						
48	T ng s đ c s d ng trong năm (48= 44+47)						
49	T ng kinh phí đã vay trong năm (49= 50+51)						

Ch tiêu	N i dung	T ng s			Lo i: T ng h p		
					T ng lo i: T ng h p		
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch	S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
50	- S đã ghi vay, ghi t m ng NSNN						
51	- S đã ghi vay, ghi chi NSNN						
52	Kinh phí đ n v đã s d ng đ ngh quy t toán						
53	Kinh phí gi m trong năm (53=54+55+56)						
54	- Đã n p NSNN						
55	- Còn ph i n p NSNN (55= 45+49-52-54-58)						
56	- D toán b h y (56= 46+47-49-59)						
57	Kinh phí đ c phép chuy n sang năm sau s d ng và quy t toán (57= 58+59)						
58	- Kinh phí đã ghi t m ng						
59	- S d d toán						
60	S đã gi i ngân, rút v n ch a h ch toán NSNN						
	NGU N PHÍ Đ C KH U TR Đ L I						
61	S d kinh phí ch a s d ng năm tr c chuy n sang (61=62+63)						
62	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
63	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						

Ch tiêu	N i dung	T ng s			Lo i: T ng h p		
					T ng lo i: T ng h p		
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch	S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
64	D toán đ c giao trong năm (64=65+66)						
65	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
66	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
67	S thu đ c trong năm (67=68+69)						
68	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
69	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
70	T ng s kinh phí đ c s đ ng trong năm (70=71+72)						
71	- Kinh phí th ng xuyên/t ch (71=62+68)						
72	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (72=63+69)						
73	S kinh phí đã s đ ng đ ngh quy t toán (73=74+75)						
74	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
75	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
76	S đ kinh phí đ c phép chuy n sang năm sau s đ ng và quy t toán (76=77+78)						
77	- Kinh phí th ng xuyên/t ch (77=71-74)						
78	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (78=72-75)						

Ch tiêu	N i dung	T ng s			Lo i: T ng h p		
					T ng lo i: T ng h p		
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch	S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
	NGU NHO T Đ NG KHÁC Đ C Đ L I						
79	S d kinh phí ch a s d ng năm tr c chuy n sang (79=80+81)						
80	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
81	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
82	D toán đ c giao trong năm (82=83+84)						
83	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
84	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
85	S thu đ c trong năm (85=86+87)						
86	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
87	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
88	T ng s kinh phí đ c s d ng trong năm (88=89+90)						
89	- Kinh phí th ng xuyên/t ch (89=80+86)						
90	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (90=81+87)						
91	S kinh phí đã s d ng đ ngh quy t toán (91=92+93)						
92	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						

Ch tiêu	N i dung	T ng s			Lo i: T ng h p		
					T ng lo i: T ng h p		
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch	S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
93	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
94	S d kinh phí đ c phép chuy n sang năm sau s d ng và quy t toán (94=95+96)						
95	- Kinh phí th ng xuyên/t ch (95=89-92)						
96	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (96=90-93)						

Ch tiêu	N i dung	Lo i: T ng h p					
		Kho n: T ng h p					
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch			
A	B	7	8	9=8-7			
	NGÂN SÁCH NHÀ N C						
	NGU N NGÂN SÁCH TRONG N C						
01	S d kinh phí năm tr c chuy n sang (01=02+05)						
02	Kinh phí th ng xuyên/t ch (02=03+04)						
03	- Kinh phí đã nh n						
04	- D toán còn d Kho b c						
05	Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (05=06+07)						
06	- Kinh phí đã nh n						
07	- D toán còn d Kho b c						
08	D toán đ c giao trong năm (08=09+10)	17.186.574.091	17.186.574.091				
09	- Kinh phí th ng xuyên/t ch	15.909.848.000	15.909.848.000				
10	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch	1.276.726.091	1.276.726.091				
11	T ng s đ c s d ng trong năm (11=12+13)	17.186.574.091	17.186.574.091				
12	- Kinh phí th ng xuyên/t ch (12=02+09)	15.909.848.000	15.909.848.000				
13	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (13=05+10)	1.276.726.091	1.276.726.091				
14	Kinh phí th c nh n trong năm (14=15+16)	17.122.144.854	17.122.144.854				

Ch tiêu	N i dung	Lo i: T ng h p					
		Kho n: T ng h p					
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch			
A	B	7	8	9=8-7			
15	- Kinh phí th ng xuyên/t ch	15.876.030.218	15.876.030.218				
16	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch	1.246.114.636	1.246.114.636				
17	Kinh phí đ ngh quy t toán (17=18+19)	17.122.144.854	17.122.144.854				
18	- Kinh phí th ng xuyên/t ch	15.876.030.218	15.876.030.218				
19	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch	1.246.114.636	1.246.114.636				
20	Kinh phí gi m trong năm (20=21+25)	27.022.307	27.022.307				
21	Kinh phí th ng xuyên/t ch (21=22+23+24)						
22	- Đã n p NSNN						
23	- Còn ph i n p NSNN (23=03+15-18-22-31)						
24	- D toán b hu (24=04+09-15-32)						
25	Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (25=26+27+28)	27.022.307	27.022.307				
26	- Đã n p NSNN						
27	- Còn ph i n p NSNN (27=06+16-19-26-34)						
28	- D toán b hu (28=07+10-16-35)	27.022.307	27.022.307				
29	S d kinh phí đ c phép chuy n sang năm sau s d ng và quy t toán (29=30+33)	37.406.930	37.406.930				

Ch tiêu	N i dung	Lo i: T ng h p					
		Kho n: T ng h p					
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch			
A	B	7	8	9=8-7			
30	Kinh phí th ng xuyên/t ch (30=31+32)	33.817.782	33.817.782				
31	- Kinh phí đã nh n						
32	- D toán còn d Kho b c	33.817.782	33.817.782				
33	Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (33=34+35)	3.589.148	3.589.148				
34	- Kinh phí đã nh n						
35	- D toán còn d Kho b c	3.589.148	3.589.148				
	NGU N V N VI N TR						
36	S d kinh phí năm tr c chuy n sang						
37	D toán đ c giao trong năm						
38	T ng kinh phí đã nh n vi n tr trong năm (38=39+40)						
39	- S đã ghi thu, ghi t m ng						
40	- S đã ghi thu, ghi chi						
41	Kinh phí đ c s d ng trong năm (41=36+38)						
42	Kinh phí đ ngh quy t toán						
43	S d kinh phí đ c phép chuy n sang năm sau s d ng và quy t toán (43=41-42)						

Ch tiêu	N i dung	Lo i: T ng h p					
		Kho n: T ng h p					
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch			
A	B	7	8	9=8-7			
	NGU N VAY N N C NGOÀI						
44	S d kinh phí năm tr c chuy n sang (44=45+46)						
45	- Kinh phí đã ghi t m ng						
46	- S d d toán						
47	D toán đ c giao trong năm						
48	T ng s đ c s d ng trong năm (48=44+47)						
49	T ng kinh phí đã vay trong năm (49=50+51)						
50	- S đã ghi vay, ghi t m ng NSNN						
51	- S đã ghi vay, ghi chi NSNN						
52	Kinh phí đ n v đã s d ng đ ngh quy t toán						
53	Kinh phí gi m trong năm (53=54+55+56)						
54	- Đã n p NSNN						
55	- Còn ph i n p NSNN (55= 45+49-52-54-58)						
56	- D toán b h y (56= 46+47-49-59)						
57	Kinh phí đ c phép chuy n sang năm sau s d ng và quy t toán (57= 58+59)						
58	- Kinh phí đã ghi t m ng						

Ch tiêu	N i dung	Lo i: T ng h p					
		Kho n: T ng h p					
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch			
A	B	7	8	9=8-7			
59	- S d d toán						
60	S đã gi i ngân, rút v n ch a h ch toán NSNN						
	NGU N PHÍ Đ C KH U TR Đ L I						
61	S d kinh phí ch a s d ng năm tr c chuy n sang (61=62+63)						
62	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
63	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
64	D toán đ c giao trong năm (64=65+66)						
65	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
66	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
67	S thu đ c trong năm (67=68+69)						
68	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
69	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
70	T ng s kinh phí đ c s d ng trong năm (70=71+72)						
71	- Kinh phí th ng xuyên/t ch (71=62+68)						
72	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (72=63+69)						

Ch tiêu	N i dung	Lo i: T ng h p					
		Kho n: T ng h p					
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch			
A	B	7	8	9=8-7			
73	S kinh phí đã s d ng đ ngh quy t toán (73=74+75)						
74	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
75	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
76	S d kinh phí đ c phép chuy n sang năm sau s d ng và quy t toán (76=77+78)						
77	- Kinh phí th ng xuyên/t ch (77=71-74)						
78	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (78=72-75)						
	NGU NH HO T Đ NG KHÁC Đ C Đ L I						
79	S d kinh phí ch a s d ng năm tr c chuy n sang (79=80+81)						
80	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
81	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
82	D toán đ c giao trong năm (82=83+84)						
83	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
84	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
85	S thu đ c trong năm (85=86+87)						
86	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						

Ch tiêu	N i dung	Lo i: T ng h p					
		Kho n: T ng h p					
		S báo cáo	S xét duy t	Chênh l ch			
A	B	7	8	9=8-7			
87	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
88	T ng s kinh phí đ c s d ng trong năm (88=89+90)						
89	- Kinh phí th ng xuyên/t ch (89=80+86)						
90	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (90=81+87)						
91	S kinh phí đã s d ng đ ngh quy t toán (91=92+93)						
92	- Kinh phí th ng xuyên/t ch						
93	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch						
94	S d kinh phí đ c phép chuy n sang năm sau s d ng và quy t toán (94=95+96)						
95	- Kinh phí th ng xuyên/t ch (95=89-92)						
96	- Kinh phí không th ng xuyên/không t ch (96=90-93)						